

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **504** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2022

*V/v tranh chấp “Ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Bé.**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc- KSV.**

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Biện Ngọc D**, sinh năm 1985 ( có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bi đơn: Chị **Trần Thị Cẩm E**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Biện Ngọc D trình bày: Anh và chị Cẩm E chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 09/12/2011. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cãi, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020, nay anh nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Cẩm E.

Về con chung: Có 01 con chung tên Biện Hoàng F, sinh ngày 16/11/2013. Hiện con chung đang chung sống với anh, anh tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn chị Trần Thị Cẩm E từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị E vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

\* Tại phiên tòa, anh Biện Ngọc D có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn chị Trần Thị Cẩm E. Anh vẫn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Biện Hoàng F, sinh ngày 16/11/2013 và không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị Cẩm E và anh Ngọc D mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2020 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị Cẩm E.

- Về con chung: có 01 con chung tên Biện Hoàng F, sinh ngày 16/11/2013. Con chung đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, đồng thời cháu Hoàng F có nguyện vọng được sống với cha là anh D. Anh D không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con. Chị E vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy chị không tranh chấp đối với yêu cầu về con chung. Yêu cầu của anh D là phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Biện Ngọc D về việc tranh chấp “ly hôn” với chị Trần Thị Cẩm E thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của anh Biện Ngọc D tại các biên bản hoà giải, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị E và anh D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 09/12/2011. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cãi, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020, nay anh nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Cẩm E. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị E nhưng chị vẫn không đến tham dự hoà giải và phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh D, điều đó chứng tỏ chị E không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị E đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh D là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Biện Hoàng F, sinh ngày 16/11/2013. Hiện con chung đang chung sống với anh D có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, đồng thời cháu Hoàng F có nguyện vọng sống với anh D, do đó cần tiếp tục giao con chung cho anh D nuôi dưỡng, chị E không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với chị Trần Thị Cẩm E Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị E.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Biện Ngọc D.

[1] Về hôn nhân: Anh Biện Ngọc D được ly hôn với chị Trần Thị Cẩm E.

[2] Về con chung: Giao con chung Biện Hoàng F, sinh ngày 16/11/2013 cho anh Biện Ngọc D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Cẩm E không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh Biện Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0024807 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang nên anh đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Trần Thị Cẩm E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh TG;
- VKSNDHCG-TG
- Chi cục THADSHCG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**